

**THE ROLE OF DIALECTICAL MATERIALISM IN DEVELOPING
CREATIVE COMPETENCE AMONG QUANG BINH UNIVERSITY
STUDENTS THROUGH THE TEACHING OF THE MARXIST-
LENINIST PHILOSOPHY MODULE**

**VAI TRÒ CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH
KHI GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN**

Trần Hương Giang
Trường Đại học Quảng Bình

***ABSTRACT:** In the context of Vietnamese higher education transitioning from a knowledge transmission-oriented model to a competency-based approach, there is an urgent need to reform perceptions regarding the teaching methods of political theory subjects. This article focuses on analyzing the role of dialectical materialism in shaping and developing students' creative competence, based on a practical survey of teaching the Marxist-Leninist Philosophy module at Quang Binh University. On that basis, the article proposes several solutions to innovate teaching methods for the Marxist-Leninist Philosophy module in a way that promotes dialectical thinking and creativity, thereby contributing to improving the quality of education during the transformation of the higher education model.*

***Keywords:** Creative capacity, students, dialectical materialism, Marxist-Leninist philosophy.*

***TÓM TẮT:** Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang chuyển dịch từ mô hình đào tạo theo định hướng truyền thụ kiến thức sang mô hình phát triển năng lực người học, yêu cầu đổi mới nhận thức về phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trở nên cấp thiết. Trọng tâm của bài viết là phân tích vai trò của phép biện chứng duy vật trong việc hình thành và phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên, thông qua khảo sát thực tiễn giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Quảng Bình. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin theo hướng phát huy tư duy biện chứng và khả năng sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong quá trình chuyển đổi mô hình giáo dục đại học.*

***Từ khóa:** Năng lực sáng tạo, sinh viên, phép biện chứng duy vật, triết học Mác - Lênin.*

1. GIỚI THIỆU

Phép biện chứng duy vật - hạt nhân lý luận của triết học Mác - Lênin, là công cụ nhận thức khoa học về thế giới đồng thời là nền tảng vững chắc để hình thành một tư duy năng động, linh hoạt, gắn lý luận với thực tiễn, từ đó thúc đẩy tiềm năng sáng tạo trong quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên. Phép biện chứng duy vật trong triết học Mác - Lênin gồm hai nguyên lý, ba

quy luật và sáu cặp phạm trù. Phép biện chứng duy vật không đóng khung trong khuôn mẫu sách vở mà hiện diện sống động trong từng biểu hiện của tư duy đổi mới, từ việc nhận thức quy luật vận động của sự vật hiện tượng, đến khả năng phát hiện mâu thuẫn và giải quyết vấn đề trong thực tiễn đời sống.

Thực tiễn giảng dạy triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Quảng Bình trong

nhiều năm qua cho thấy, nếu gianbgr viên chỉ truyền đạt khái niệm một chiều, thì sinh viên thường tiếp thu thụ động, dẫn đến lối học máy móc, khuôn sáo. Ngược lại, khi vận dụng linh hoạt phép biện chứng duy vật như một phương pháp tư duy, kết hợp cùng các chiến lược dạy học hiện đại, thì chính triết học - vốn từng bị cho là khô khan - lại trở thành môn học khơi gợi sự tò mò, khám phá và sáng tạo mạnh mẽ trong sinh viên.

Quá trình nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Đại học Quảng Bình, tác giả nhận thấy: phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên trong môn triết học không thể tách rời khỏi việc thấm nhuần tinh thần biện chứng - không ngừng vận động, tự phủ định, đổi mới - ngay trong chính cách tổ chức dạy học. Bài viết này nhằm góp phần làm rõ vai trò của phép biện chứng duy vật trong việc hình thành và phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên đại học, thông qua phân tích thực tiễn giảng dạy học phần triết học Mác - Lênin cho sinh viên K66, Trường Đại học Quảng Bình. Qua đó, chúng tôi đề xuất một số hướng vận dụng phép biện chứng vào đổi mới giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu lý luận và khảo sát thực tiễn. Tác giả thu thập dữ liệu từ hơn 200 phiếu khảo sát bằng Google Form đối với sinh viên đang học và đã học học phần Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Quảng Bình. Kết quả khảo sát được dùng để phân tích vai trò của phép biện chứng duy vật trong việc phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên.

3. NỘI DUNG

3.1. Khái niệm năng lực sáng tạo và các biểu hiện của năng lực sáng tạo ở sinh viên

3.1.1. Khái niệm năng lực sáng tạo

Bàn về năng lực sáng tạo hiện nay có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Một trong những quan điểm phổ biến cho rằng: “Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra những cái mới hoặc giải quyết vấn đề một cách mới mẻ của con người” [3, tr.29]. Bên cạnh đó, có quan điểm khác nhấn mạnh: “Năng lực sáng tạo là năng lực tạo ra cái mới về chất, hợp quy luật” [3]. Cả hai quan điểm đều đề cao tính đột phá và khả năng tư duy linh hoạt như những yếu tố cốt lõi cấu thành năng lực sáng tạo. Tuy nhiên, để phát triển năng lực này trong môi trường giáo dục đại học, cần nhìn nhận nó như một phẩm chất cá nhân, là kết quả của quá trình tương tác giữa người học và môi trường sư phạm mang tính khơi gợi, kích thích tư duy độc lập. Năng lực sáng tạo không thể hình thành trong bối cảnh truyền đạt tri thức một chiều; trái lại, nó đòi hỏi phương pháp giảng dạy lấy tư duy phản biện làm trung tâm, khuyến khích người học biết đặt vấn đề và giải quyết vấn đề trên nền tảng logic biện chứng.

Như vậy, năng lực sáng tạo không chỉ dừng lại ở việc phát hiện những yếu tố hoàn toàn mới lạ, mà còn bao gồm khả năng đổi mới phương thức tiếp cận, sáng tạo trong cách giải quyết vấn đề trên cơ sở vận dụng tư duy biện chứng và thích ứng linh hoạt với sự vận động không ngừng của thực tiễn. Phát triển năng lực sáng tạo ở sinh viên, vì vậy, cần được định hướng có hệ thống thông qua các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và trải nghiệm thực tiễn, đặc

biệt chú trọng việc vận dụng tinh thần và phương pháp của phép biện chứng duy vật trong toàn bộ quá trình đào tạo.

3.1.2. Biểu hiện của năng lực sáng tạo ở sinh viên

Năng lực sáng tạo của sinh viên được thể hiện thông qua nhiều biểu hiện cụ thể. Trước hết, sinh viên thể hiện sự chủ động trong việc đề xuất các ý tưởng mới trong học tập, nghiên cứu khoa học cũng như trong các hoạt động thực tiễn. Họ có khả năng phát hiện và phân tích vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, không đơn thuần lặp lại các quan điểm có sẵn. Tư duy linh hoạt, không rập khuôn, khả năng vận dụng sáng tạo các lý thuyết để giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn là những biểu hiện rõ nét khác của năng lực sáng tạo. Bên cạnh đó, sinh viên thể hiện tinh thần sẵn sàng chấp nhận thất bại và kiên trì vượt qua khó khăn để tìm kiếm những hướng đi mới hiệu quả hơn.

Như vậy, năng lực sáng tạo không chỉ dừng lại ở việc phát minh hoặc phát hiện những yếu tố hoàn toàn mới lạ, mà còn bao gồm khả năng đổi mới phương thức tiếp cận, sáng tạo trong cách giải quyết vấn đề trên cơ sở vận dụng tư duy biện chứng và thích ứng linh hoạt với sự vận động không ngừng của thực tiễn. Phát triển năng lực sáng tạo ở sinh viên cần được định hướng có hệ thống thông qua các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và trải nghiệm thực tiễn, đặc biệt chú trọng việc vận dụng tinh thần và phương pháp của phép biện chứng duy vật trong toàn bộ quá trình đào tạo.

3.2. Một số vấn đề lý luận về phép biện chứng duy vật

Phép biện chứng duy vật giữ vị trí trung tâm trong hệ thống lý luận của triết học Mác - Lênin, không chỉ bởi tính khái

quát sâu sắc về thế giới hiện thực, mà còn vì tính định hướng phương pháp luận cho tư duy và hành động của con người. Nếu chủ nghĩa duy vật lịch sử giúp chúng ta lý giải tiến trình phát triển xã hội, thì phép biện chứng duy vật lại cung cấp những nguyên lý nền tảng để hiểu bản chất vận động, biến đổi và phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

Ở cấp độ nền tảng, phép biện chứng duy vật được cấu thành bởi hai nguyên lý cơ bản, đó là: nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật không tồn tại tách biệt mà có mối liên hệ hỗ trợ lẫn nhau, hình thành một hệ thống tư duy mở, linh hoạt và phản ánh đúng bản chất động của hiện thực khách quan.

Cùng với hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng như: nguyên nhân - kết quả, tất nhiên - ngẫu nhiên, nội dung - hình thức, bản chất - hiện tượng, khả năng - hiện thực, cái chung - cái riêng... là những công cụ tư duy sắc bén, giúp người học không chỉ dừng lại ở việc nắm bắt hiện tượng bề ngoài mà còn đi sâu khám phá các mối quan hệ bản chất, từ đó nâng cao năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và sáng tạo trong giải quyết vấn đề.

Đặc biệt, phép biện chứng duy vật khẳng định ba quy luật vận động và phát triển phổ biến: quy luật lượng - chất, quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, quy luật phủ định của phủ định. Các quy luật của phép biện chứng duy vật phản ánh chân thực quá trình vận động của thế giới vật chất, góp phần soi rọi tư duy nhận thức, mở ra khả năng lý giải sâu sắc những mâu thuẫn, chuyển hóa và đổi mới - những yếu tố cốt lõi trong tư duy sáng tạo.

Do đó, trong dạy học triết học Mác -

Lênin, khơi dậy và vận dụng phép biện chứng duy vật như một phương pháp học tập tích cực, một mô hình tư duy đổi mới, chính là chìa khóa để phát triển năng lực sáng tạo ở sinh viên. Phép biện chứng duy vật, trong bối cảnh giáo dục hiện đại, không còn là triết lý trừu tượng mà là “ngọn đèn tư duy” giúp người học tự tin kiến tạo tri thức mới, giải quyết vấn đề, và thích ứng linh hoạt trong xã hội vận động không ngừng.

3.3. Vai trò của phép biện chứng duy vật với sự phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên

Phép biện chứng duy vật với tư cách là phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - không chỉ đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành thế giới quan duy vật biện chứng cho sinh viên, mà còn góp phần trực tiếp và sâu sắc trong việc phát triển năng lực sáng tạo - một năng lực then chốt trong quá trình học tập, nghiên cứu và thích ứng với môi trường xã hội mới.

Thứ nhất, phép biện chứng duy vật rèn luyện tư duy toàn diện, linh hoạt. Không giống với lối tư duy phiến diện hay siêu hình, phép biện chứng duy vật dạy sinh viên cách nhìn nhận sự vật trong mối liên hệ phổ biến, trong quá trình vận động và phát triển không ngừng. Chính cách tư duy này giúp sinh viên không “đóng khung” trong những tri thức có sẵn, mà có thể phát hiện ra những mâu thuẫn tiềm ẩn, những khả năng chưa được hiện thực hóa của sự vật, hiện tượng. Đây là nền tảng căn bản để hình thành ý tưởng mới và phát triển các giải pháp sáng tạo.

Thứ hai, phép biện chứng duy vật hình thành năng lực phát hiện và giải quyết mâu thuẫn. Mâu thuẫn là nguồn gốc của mọi vận động và phát triển, đây là một nguyên lý trung tâm của phép biện chứng. Khi được

tiếp cận và vận dụng nguyên lý này, sinh viên học được cách truy nguyên bản chất của vấn đề, nhận ra những điểm nghẽn, những xung đột trong tri thức, công việc hay thực tiễn xã hội. Quá trình đó giúp sinh viên nhìn thấy vấn đề một cách thấu đáo, thúc đẩy họ sáng tạo ra các hướng giải quyết mới chính là hành động sáng tạo trong thực tiễn.

Thứ ba, phép biện chứng duy vật phát triển tư duy phản biện và độc lập. Một người sáng tạo không thể thiếu khả năng chất vấn, phản tư và vượt qua lối mòn tư duy cũ kỹ. Phép biện chứng duy vật, với tinh thần phê phán và cải biến hiện thực, trang bị cho sinh viên công cụ lý luận để đánh giá, so sánh, từ đó bác bỏ những tri thức lỗi thời và hình thành nên tri thức mới phù hợp hơn. Tư duy phản biện đúng hướng giúp sinh viên không ngừng đổi mới chính mình và thích ứng với những thách thức mới.

Thứ tư, phép biện chứng duy vật gắn sáng tạo với thực tiễn. Sáng tạo không phải là hành vi “trí tưởng tượng thuần túy”, mà luôn bắt rễ từ thực tiễn và hướng tới cải tạo thực tiễn. Chính phương pháp luận biện chứng dạy cho sinh viên hiểu rằng, ý tưởng sáng tạo chỉ có giá trị khi nó giải quyết được vấn đề đặt ra trong đời sống xã hội. Vì vậy, sinh viên được rèn luyện trong môi trường lý luận biện chứng sẽ phát triển năng lực sáng tạo một cách hiệu quả, thực chất và có định hướng.

Như vậy, phép biện chứng duy vật không chỉ là công cụ nhận thức khoa học, mà còn là phương pháp tư duy nền tảng góp phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên. Thông qua việc rèn luyện tư duy toàn diện, phát hiện và giải quyết mâu thuẫn, phát

triển tư duy phản biện và gắn kết chặt chẽ với thực tiễn, phép biện chứng duy vật giúp sinh viên từng bước hình thành bản lĩnh trí tuệ độc lập, năng động, sáng tạo - những phẩm chất thiết yếu để thích ứng và khẳng định bản thân trong bối cảnh đổi mới giáo dục và phát triển xã hội hiện đại.

3.4. Thực trạng năng lực sáng tạo cho sinh viên Trường Đại học Quảng Bình thông qua vận dụng phép biện chứng duy vật trong giảng dạy triết học Mác - Lênin

3.4.1. Tình hình giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin của giảng viên nhằm phát huy tư duy sáng tạo cho sinh viên

Trường Đại học Quảng Bình đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của học phần Triết học Mác - Lênin trong việc phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên. Đặc biệt, giảng viên tại trường đã áp dụng một loạt các phương pháp giảng dạy sáng tạo, tích hợp lý luận triết học Mác - Lênin với thực tiễn xã hội hiện đại, tạo nền tảng cho sinh viên phát huy khả năng tư duy phản biện và sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và ứng dụng vào đời sống.

Thứ nhất, nội dung và giáo trình: Các giảng viên không chỉ giảng dạy theo giáo trình chính thức mà còn cập nhật các vấn đề thực tiễn, ví dụ minh họa từ các hiện tượng xã hội, chính trị và kinh tế đương đại. Điều này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tính ứng dụng của phép biện chứng duy vật và phương pháp luận Mác - Lênin trong việc phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Các ví dụ cụ thể liên quan đến các vấn đề như sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập quốc tế, hay các thách thức trong việc giải quyết các mâu thuẫn xã hội tại địa phương cũng được đưa vào bài giảng.

Thứ hai, phương pháp giảng dạy: Một trong những phương pháp đặc sắc được sử dụng là phương pháp học tập tích cực, trong đó giảng viên khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm, tranh biện, và các buổi tọa đàm về những vấn đề nổi bật trong xã hội hiện đại. Sinh viên được chia thành các nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận về một chủ đề cụ thể từ quan điểm triết học Mác - Lênin. Bên cạnh đó, một số giảng viên cũng sử dụng sơ đồ tư duy như công cụ hỗ trợ giảng dạy. Việc áp dụng sơ đồ tư duy giúp sinh viên dễ dàng hình dung mối quan hệ giữa các khái niệm, phạm trù trong triết học Mác - Lênin, đồng thời giúp họ liên kết các kiến thức lý thuyết với thực tế xã hội. Sử dụng sơ đồ tư duy trong quá trình giảng dạy tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tư duy hệ thống, giúp họ nhận diện các mối quan hệ nhân quả, sự vận động, và những mâu thuẫn trong các hiện tượng xã hội.

Thứ ba, hình thức đánh giá sáng tạo: Để khuyến khích năng lực sáng tạo, giảng viên đã áp dụng các hình thức đánh giá như viết tiểu luận, làm báo cáo nhóm, và các bài thuyết trình trước lớp. Sinh viên không chỉ trình bày lý thuyết mà còn phải áp dụng triết học Mác - Lênin để phân tích các vấn đề xã hội cụ thể, đồng thời đưa ra giải pháp sáng tạo. Ví dụ, một nhóm sinh viên có thể nghiên cứu về vấn đề bảo vệ môi trường trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa, rồi từ đó đề xuất những giải pháp sáng tạo, có tính khả thi và ứng dụng thực tiễn.

Thứ tư, sử dụng công nghệ trong giảng dạy: Đặc biệt, trong thời đại chuyển đổi số, việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy cũng là một yếu tố quan trọng để phát huy sáng tạo. Các giảng viên đã sử dụng nền tảng học trực tuyến để tổ chức các buổi thảo luận, tọa đàm, các buổi chia sẻ ý tưởng qua mạng.

Ngoài ra, sinh viên còn được khuyến khích sử dụng các công cụ số như phần mềm tạo sơ đồ tư duy, hoặc các công cụ khảo sát trực tuyến để thu thập dữ liệu và xây dựng ý tưởng sáng tạo.

Mặc dù, có những bước tiến rõ rệt, song vẫn còn một số hạn chế trong việc phát huy sáng tạo cho sinh viên. Một bộ phận sinh viên vẫn còn chưa chủ động trong việc tiếp thu kiến thức, thiếu tự tin khi tham gia thảo luận hoặc trình bày quan điểm cá nhân. Tuy nhiên, những nỗ lực cải tiến phương pháp giảng dạy, tích hợp lý luận triết học Mác - Lênin với thực tiễn xã hội, khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động

sáng tạo là nền tảng vững chắc giúp phát huy năng lực sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Quảng Bình.

3.4.2. Kết quả khảo sát năng lực sáng tạo

Nhằm đánh giá mức độ phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên trong quá trình học học phần Triết học Mác - Lênin, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 200 sinh viên năm nhất và năm hai tại Trường Đại học Quảng Bình. Nội dung khảo sát tập trung vào bốn nhóm năng lực chính: vận dụng tư duy biện chứng vào thực tiễn, khả năng đề xuất giải pháp sáng tạo, thói quen học tập và liên hệ thực tiễn, nhu cầu học tập theo hướng sáng tạo.

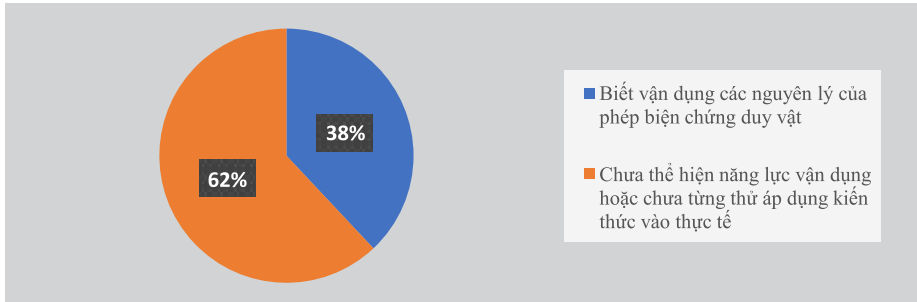
Bảng 1. Tổng hợp kết quả khảo sát năng lực sáng tạo

Năng lực được đánh giá	Tỷ lệ sinh viên thể hiện tốt	Nhận xét chung
Vận dụng tư duy biện chứng vào thực tiễn	38% (76/200 SV)	Chưa phổ biến, mới ở mức khởi đầu
Đề xuất giải pháp sáng tạo, khác biệt	21% (42/200 SV)	Rất hạn chế, thiếu môi trường phát triển
Học tập chủ động, liên hệ thực tiễn	45% (90/200 SV)	Có dấu hiệu tích cực nhưng còn thấp
Mong muốn học theo hướng sáng tạo	65% (130/200 SV)	Có tiềm năng phát triển trong tương lai

(Nguồn: Kết quả điều tra)

Kết quả khảo sát cho thấy năng lực sáng tạo của sinh viên trong học phần Triết học Mác - Lênin còn nhiều hạn chế. Trong tổng số 200 sinh viên được khảo sát, chỉ 38% cho thấy khả năng vận dụng tư duy biện chứng vào thực tiễn - một tỷ lệ tương đối thấp nếu so với yêu cầu của chuẩn đầu ra học phần Triết học Mác - Lênin, vốn nhấn mạnh khả năng phân tích và lý giải các hiện tượng xã hội trên nền tảng thế giới quan duy vật biện chứng. So với nhóm sinh viên các ngành khoa học xã hội (vốn được

kỳ vọng có khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn tốt hơn), tỷ lệ này cho thấy mức độ vận dụng còn ở giai đoạn sơ khai. Đáng chú ý, mặc dù 65% sinh viên bày tỏ mong muốn được học theo hướng sáng tạo, nhưng chỉ 21% thực sự có khả năng đề xuất giải pháp mang tính đổi mới. Khoảng cách 44 điểm phần trăm này phản ánh rõ sự bất cân xứng giữa nhu cầu nhận thức và năng lực thực hành cho thấy sinh viên “muốn sáng tạo” nhưng chưa được trang bị đủ điều kiện về phương pháp và môi trường để sáng tạo.

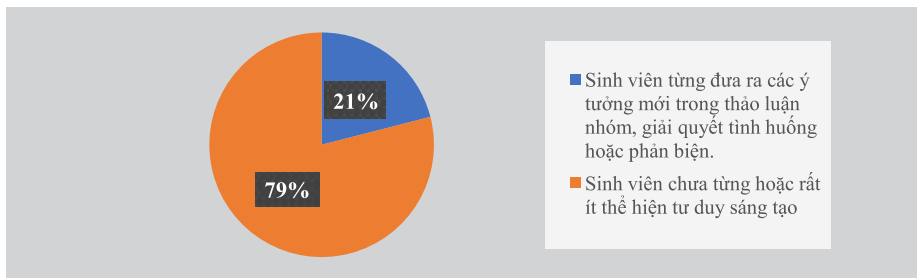


(Nguồn: Kết quả điều tra)

Hình 1. Tỷ lệ sinh viên vận dụng tri thức triết học để lý giải thực tiễn

Hình 1 phản ánh sự phân hóa rõ rệt trong mức độ vận dụng tri thức triết học vào thực tiễn của sinh viên. Chỉ 38% sinh viên cho thấy khả năng lý giải các vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức triết học, trong khi 62% chưa thể hiện được năng lực này. Tỷ lệ thấp cho thấy phần lớn sinh viên vẫn tiếp

cận triết học như môn học lý thuyết, chưa gắn kết được với thực tiễn đời sống. Điều này đặt ra yêu cầu cần đổi mới cách tiếp cận nội dung và phương pháp giảng dạy, nhằm giúp sinh viên nhận thức được giá trị ứng dụng của triết học trong tư duy và hành động thực tế.



(Nguồn: Kết quả điều tra)

Hình 2. Khả năng đề xuất giải pháp sáng tạo, khác biệt

Hình 2 phản ánh một thực trạng đáng lưu ý trong quá trình hình thành và phát triển tư duy sáng tạo của sinh viên: chỉ 21% có khả năng đề xuất các giải pháp mang tính sáng tạo và khác biệt, trong khi tới 79% chưa thể hiện được năng lực này. Tỷ lệ thấp này cho thấy hoạt động đào tạo hiện tại vẫn còn thiên về truyền thụ tri thức một chiều,

thiếu các phương pháp sư phạm thúc đẩy tư duy phản biện và sáng tạo. Việc sinh viên chưa được đặt vào các tình huống có tính mở, chưa thường xuyên tiếp cận với các vấn đề thực tiễn cần giải pháp linh hoạt là nguyên nhân trực tiếp làm hạn chế khả năng phát sinh ý tưởng mới. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải điều chỉnh chương

trình và phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường tương tác, đề cao vai trò của người học trong việc kiến tạo tri thức và giải

quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hiện nay.

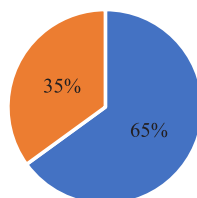
Bảng 2. Đặc điểm thói quen học tập

Hành vi học tập	Số lượng SV	Tỷ lệ
Ghi nhớ máy móc, thiếu liên hệ thực tiễn	110	55%
Có sự chủ động, liên hệ thực tiễn	90	45%

(Nguồn: Kết quả điều tra)

Kết quả khảo sát tại bảng 2 cho thấy sự phân hóa rõ nét trong thói quen học tập của sinh viên khi tiếp cận môn Triết học Mác - Lênin. Có đến 55% sinh viên vẫn duy trì lối học ghi nhớ máy móc, thiếu sự liên hệ với thực tiễn. Điều này phản ánh một thực trạng phổ biến trong giảng dạy các môn lý luận chính trị hiện nay: sinh viên tiếp thu kiến thức một cách thụ động, thiên về học thuộc hơn là tư duy khái quát và ứng dụng. Trong khi đó, chỉ 45% sinh viên thể hiện được sự chủ động và có khả năng kết nối kiến thức

với các vấn đề thực tiễn, cho thấy một bộ phận sinh viên đã bắt đầu có chuyển biến tích cực trong phương pháp học tập. Tuy nhiên, tỷ lệ trên vẫn còn thấp, chưa đủ để tạo nên thay đổi mang tính phổ quát. Thực trạng trên đòi hỏi phải đổi mới cách tiếp cận giảng dạy, trong đó giảng viên cần chú trọng hơn đến việc xây dựng các tình huống gắn với đời sống, phát huy vai trò tích cực của người học, từ đó từng bước hình thành tư duy phản biện và năng lực vận dụng tri thức vào thực tế.



- Sinh viên mong muốn được học qua các hình thức sáng tạo
- Chưa thể hiện rõ nhu cầu hoặc chưa sẵn sàng tiếp cận hình thức học tập

(Kết quả điều tra)

Hình 3. Nhu cầu học tập theo hướng sáng tạo

Hình 3 cho thấy tín hiệu tích cực trong nhận thức và kỳ vọng học tập của sinh viên: có đến 65% mong muốn được tiếp cận các hình thức học tập sáng tạo như thảo luận

phản biện, xử lý tình huống, mô phỏng và đóng vai. Điều này phản ánh nhu cầu rõ rệt trong việc thay đổi phương pháp giảng dạy từ truyền thống sang hướng phát huy tư duy

độc lập, khả năng tương tác và ứng dụng thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn còn 35% sinh viên chưa thể hiện rõ nhu cầu hoặc chưa sẵn sàng tiếp cận các hình thức học này, cho thấy sự tồn tại của một bộ phận người học còn quen với lối tiếp cận thụ động, ngại trước những yêu cầu tư duy mở và linh hoạt. Thực tế này đòi hỏi nhà trường và giảng viên không chỉ cải tiến phương pháp giảng dạy, mà còn cần có quá trình chuyển hóa tâm thế người học, khơi dậy động lực nội tại và tạo dựng môi trường học tập mang tính khuyến khích sáng tạo và chủ động lâu dài.

3.4.3. **Đánh giá thực trạng**

Về ưu điểm:

Một số chuyển biến tích cực trong công tác giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Quảng Bình thời gian qua cần được ghi nhận:

Thứ nhất, nhận thức về vai trò của triết học đã được nâng cao. Nhà trường và giảng viên đã xác lập rõ vai trò phương pháp luận của triết học Mác - Lênin trong việc phát triển tư duy lý luận, tư duy phản biện và năng lực sáng tạo của sinh viên. Môn học không còn được tiếp cận đơn thuần như một nội dung lý thuyết mà từng bước được gắn với thực tiễn và định hướng tư duy.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy được chú trọng. Việc sử dụng các công cụ công nghệ như sơ đồ tư duy, bài giảng trực tuyến và phần mềm tương tác đã hỗ trợ quá trình học tập hiệu quả hơn, góp phần hình thành tư duy hệ thống, rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp - những kỹ năng cốt lõi trong tiếp cận tri thức triết học.

Thứ ba, phương thức đánh giá có tính mở, phát huy tư duy sáng tạo. Các hình thức đánh giá như tiểu luận, báo cáo nhóm và thuyết trình đã tạo điều kiện để sinh viên vận dụng kiến thức vào thực tiễn, khuyến

khích khả năng lập luận độc lập, trình bày logic và đề xuất giải pháp - những yếu tố then chốt trong quá trình hình thành năng lực tư duy sáng tạo.

Về hạn chế:

Thứ nhất, năng lực vận dụng tri thức triết học vào thực tiễn của sinh viên còn ở mức hạn chế. Theo kết quả khảo sát, chỉ khoảng 38% sinh viên có thể phân tích các vấn đề thực tiễn từ góc nhìn triết học, cho thấy tư duy khái quát và năng lực chuyển hóa kiến thức còn yếu. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ phía người học - nhiều sinh viên tiếp cận môn học theo lối tiếp thu thụ động, chưa hình thành thói quen học tập phản biện và liên hệ thực tiễn. Đây là thách thức không nhỏ trong việc phát triển tư duy biện chứng và năng lực sáng tạo, dù nhà trường và giảng viên đã có những nỗ lực đổi mới phương pháp.

Thứ hai, khả năng sáng tạo chưa được phát huy đúng mức khi chỉ 21% sinh viên đề xuất được giải pháp mới trong học tập. Nguyên nhân bao gồm tâm lý ngại sai, thiếu tự tin và phương pháp giảng dạy truyền đạt một chiều, hạn chế tranh luận và khám phá độc lập.

Thứ ba, thói quen học tập thụ động còn phổ biến, 55% sinh viên chỉ học thuộc lòng mà thiếu tư duy phản biện. Điều này phản ánh sự thiếu tương tác, không gian học thuật mở và đánh giá chưa khuyến khích sáng tạo.

Những hạn chế trên xuất phát từ phương pháp giảng dạy nặng lý thuyết, thiếu đổi mới và môi trường học tập chưa đủ cởi mở. Từ thực tế trên cho thấy mặc dù công tác đổi mới giảng dạy đã có những bước tiến nhất định, song vẫn cần tiếp tục điều chỉnh phương pháp, nội dung và môi trường sư phạm để thực sự khơi dậy năng

lực tư duy, phản biện và sáng tạo - những yếu tố nền tảng trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

3.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy trong việc hình thành năng lực sáng tạo của sinh viên Đại học Quảng Bình

Giải pháp 1: Cơ cấu lại tư duy giảng dạy theo hướng phát triển năng lực sáng tạo đa chiều

Thay vì tiếp cận truyền thống mang tính mô tả - trình bày, giảng viên dịch chuyển sang mô hình sư phạm kiến tạo, lấy người học làm trung tâm, coi tri thức là sản phẩm của quá trình tương tác, khám phá và vận dụng. Áp dụng các kỹ thuật như dạy học phân hóa, dạy học theo dự án, phương pháp tình huống hay mô hình tạo ra môi trường học tập đòi hỏi sinh viên phải tư duy phản biện, định hướng giải pháp, đánh giá tính khả thi - từ đó phát triển toàn diện năng lực sáng tạo mang tính ứng dụng.

Đặc biệt, trong học phần Triết học Mác - Lênin, cần thiết kế hoạt động học không chỉ dừng ở việc “hiểu đúng” mà phải khơi dậy năng lực “suy luận biện chứng”, từ đó vận dụng các nguyên lý vào giải quyết vấn đề xã hội - nghề nghiệp cụ thể. Điều này đòi hỏi giảng viên phải tái cấu trúc mục tiêu giảng dạy và chuyển trọng tâm từ “truyền đạt tri thức” sang “khơi dậy năng lực sáng tạo phản biện”.

Giải pháp 2: Tạo dựng môi trường học tập cởi mở và khuyến khích thử nghiệm

Môi trường học tập đóng vai trò quan trọng trong việc phát huy khả năng sáng tạo của sinh viên. Để giúp sinh viên tự tin thể hiện ý tưởng và sáng tạo, các giảng viên cần tạo ra một không gian học tập thoải mái, nơi mà sinh viên có thể tự do bày tỏ quan điểm, thảo luận và thử nghiệm các giải pháp sáng

tạo mà không sợ thất bại. Thực hiện khuyến khích sự thử nghiệm và sai sót trong học tập góp phần giúp sinh viên xây dựng sự tự tin, rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo và đồng thời nuôi dưỡng tư duy đổi mới.

Giải pháp 3: Tăng cường hoạt động ngoại khóa và các dự án nghiên cứu ứng dụng

Các hoạt động ngoại khóa, chương trình khởi nghiệp sinh viên, dự án cộng đồng hay cuộc thi nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển hóa kiến thức hàn lâm thành năng lực thực tiễn. Đây là cơ hội để sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo, phản biện và thích ứng trong môi trường thực tế. Những hoạt động trên giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện khả năng sáng tạo thông qua việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường thực tế.

Giải pháp 4: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và công cụ hỗ trợ sáng tạo

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy không chỉ là xu thế mà còn là điều kiện tất yếu để phát triển năng lực sáng tạo. Các phần mềm mô phỏng, sơ đồ tư duy, ứng dụng thiết kế đồ họa, lập trình, trí tuệ nhân tạo giúp sinh viên phát triển kỹ năng xử lý thông tin, phân tích vấn đề và tạo lập sản phẩm mới. Giảng viên cần được đào tạo chuyên sâu về công nghệ giáo dục, đồng thời tích cực tích hợp công cụ số vào nội dung bài giảng một cách hợp lý, hiệu quả, hướng tới việc hình thành năng lực sáng tạo bền vững và thích ứng trong kỷ nguyên số.

4. KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích lý luận và khảo sát thực tiễn, bài viết đã làm rõ vai trò của phép biện chứng duy vật trong việc phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên thông qua

giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Quảng Bình. Kết quả khảo sát 200 sinh viên cho thấy sự tồn tại đồng thời của hai xu hướng: một mặt là nhu cầu và kỳ vọng phát triển tư duy sáng tạo ngày càng tăng, mặt khác là mức độ vận dụng tri thức triết học và khả năng đề xuất giải pháp sáng tạo còn hạn chế. Qua đó, bài viết xác định được các nguyên nhân từ phía người học (thói quen học tập thụ động, thiếu tự tin), đồng thời nhận diện một số điểm nghẽn trong tổ chức dạy học như: thiếu không gian sáng tạo, phương pháp còn thiên về truyền đạt, đánh giá chưa khơi gợi năng lực phân biện. Từ thực trạng đó, bài viết đã đề xuất bốn nhóm giải pháp theo

hướng đồng bộ và thực tiễn: cơ cấu lại tư duy giảng dạy theo hướng phát triển năng lực sáng tạo đa chiều; xây dựng môi trường học tập cởi mở, khuyến khích thử nghiệm; tăng cường hoạt động ngoại khóa và các dự án nghiên cứu ứng dụng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và công cụ hỗ trợ sáng tạo. Kết quả nghiên cứu là tiền đề quan trọng để triển khai các thực nghiệm giảng dạy, góp phần điều chỉnh mục tiêu và nội dung các học phần lý luận chính trị, hướng tới một mô hình giáo dục thúc đẩy sáng tạo toàn diện, gắn liền với yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục Đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2] Trần Thị Bích Liễu (2013), *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo*. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
- [3] Huỳnh Văn Sơn (2009), *Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Phan Mạnh Toàn (2021), *Phép biện chứng duy vật: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), (2005), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Jeff Degraff & Stoney Degraff (2022), *Tư duy sáng tạo: làm chủ 6 kỹ năng khơi nguồn đổi mới*. Nxb Trẻ, Hà Nội.

Liên hệ:

ThS. Trần Hương Giang

Khoa Sư phạm Tiềm học - Mầm non, Trường Đại học Quảng Bình
Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị
Email: batkhatri@gmail.com

Ngày nhận bài: 8/5/2025

Ngày gửi phản biện: 21/5/2025

Ngày duyệt đăng: 5/6/2026